

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND
(Dự thảo)

Lệ Thủy, ngày tháng 5 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Phân bổ vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương và đối ứng ngân sách địa phương năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY
KHÓA XXI, KỲ HỌP THỨ 22**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 90/QĐ-TTg);

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phân cấp cho Hội đồng nhân dân huyện quyết định phân bổ chi tiết dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh đối ứng hàng năm thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 248/NQ-HĐND ngày 25/4/2025 của HĐND tỉnh về việc phân bổ vốn sự nghiệp ngân sách trung ương và vốn đối ứng ngân sách địa phương năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Căn cứ Quyết định số 1418/QĐ-UBND ngày 07/5/2025 của UBND tỉnh về việc phân bổ vốn sự nghiệp ngân sách trung ương và vốn đối ứng ngân sách địa phương năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cho các đơn vị dự toán cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện về việc đề nghị Hội đồng nhân dân huyện ban hành Nghị quyết phân bổ vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương và đối ứng ngân sách địa phương năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; sau khi nghe Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương và đối ứng ngân sách địa phương năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cho UBND các xã, thị trấn, cụ thể:

1. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 12.613 triệu đồng, gồm:
 - Ngân sách trung ương: 11.466 triệu đồng.
 - Ngân sách tỉnh đối ứng: 688 triệu đồng.
 - Ngân sách huyện đối ứng: 459 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục số 01 kèm theo)

2. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 34.875 triệu đồng, gồm:

- Ngân sách trung ương: 31.603 triệu đồng.
- Ngân sách tỉnh đối ứng: 3.272 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục số 02 kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, Ủy ban nhân dân huyện phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân huyện để xem xét, giải quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Lệ Thủy khóa XXI, Kỳ họp thứ 22 thông qua ngày tháng 5 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- TTHĐND, UBND tỉnh; } (BC)
- Sở Tài chính
- Các Đại biểu HĐND tỉnh bầu tại KV Lệ Thủy;
- Ban Thường vụ Huyện ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Các Ban, các tổ đại biểu và các đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng ban, đơn vị cấp huyện;
- TTHĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Đăng Website UBND huyện;
- Lưu: VT, TCKH.

CHỦ TỊCH

Phan Hồng Đăng

Phụ lục số 01

**PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỐI ỨNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
NĂM 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 5 năm 2025 của HĐND huyện Lê Thủy)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung Dự án, Tiểu dự án/ đơn vị thực hiện	Tổng kinh phí thực hiện	Trong đó			Ghi chú
			Tổng KP NSTW phân bổ	Ngân sách tỉnh đối ứng	Ngân huyện đối ứng	
Tổng cộng		12.613	11.466	688	459	
1	Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển (Hỗ trợ duy tu bảo dưỡng các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất thiết yếu trên địa bàn các xã thuộc đối tượng của Chương trình)	600	-	600	-	
1.1	UBND xã Ngư Thủy Bắc	300		300		
1.2	UBND xã Ngư Thủy	300		300		
2	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	7.800	7.253	88	459	
2.1	UBND thị trấn Kiến Giang	300	300			
2.2	UBND thị trấn Lệ Ninh	300	300			
2.3	UBND xã An Thủy	300	300			
2.4	UBND xã Phong Thủy	300	300			
2.5	UBND xã Lộc Thủy	300	300			
2.6	UBND xã Liên Thủy	300	300			
2.7	UBND xã Sơn Thủy	300	300			
2.8	UBND xã Hoa Thủy	300	300			
2.9	UBND xã Phú Thủy	300	300			
2.10	UBND xã Trường Thủy	300	300			
2.11	UBND xã Tân Thủy	300	300			
2.12	UBND xã Sen Thủy	300	212	88		
2.13	UBND xã Hưng Thủy	300	141		159	
2.14	UBND xã Cam Thủy	300	300			
2.15	UBND xã Thanh Thủy	300	300			
2.16	UBND Xã Hồng Thủy	300	300			
2.17	UBND xã Xuân Thủy	300	300			
2.18	UBND xã Mai Thủy	300	300			

TT	Nội dung Dự án, Tiểu dự án/ đơn vị thực hiện	Tổng kinh phí thực hiện	Trong đó			Ghi chú
			Tổng KP NSTW phân bổ	Ngân sách tỉnh đối ứng	Ngân huyện đối ứng	
2.19	UBND xã Dương Thủy	300	300			
2.20	UBND xã Mỹ Thủy	300	300			
2.21	UBND xã Thái Thủy	300	300			
2.22	UBND xã Ngư Thủy Bắc	300	300			
2.23	UBND xã Ngư Thủy	300	-		300	
2.24	UBND xã Kim Thủy	300	300			
2.25	UBND xã Ngân Thủy	300	300			
2.26	UBND xã Lâm Thủy	300	300			
3	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	2.653	2.653	-	-	
3.1	Tiểu dự án 2. Hỗ trợ người LĐ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	313	313	-	-	
3.1.1	UBND xã Ngư Thủy Bắc	155	155			
3.1.2	UBND xã Ngư Thủy	158	158			
3.2	Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững	2.340	2.340	-	-	
3.2.1	UBND thị trấn Kiến Giang	90	90			
3.2.2	UBND thị trấn Lệ Ninh	90	90			
3.2.3	UBND xã An Thủy	90	90			
3.2.4	UBND xã Phong Thủy	90	90			
3.2.5	UBND xã Lộc Thủy	90	90			
3.2.6	UBND xã Liên Thủy	90	90			
3.2.7	UBND xã Sơn Thủy	90	90			
3.2.8	UBND xã Hoa Thủy	90	90			
3.2.9	UBND xã Phú Thủy	90	90			
3.2.10	UBND xã Trường Thủy	90	90			
3.2.11	UBND xã Tân Thủy	90	90			
3.2.12	UBND xã Sen Thủy	90	90			
3.2.13	UBND xã Hưng Thủy	90	90			

TT	Nội dung Dự án, Tiểu dự án/ đơn vị thực hiện	Tổng kinh phí thực hiện	Trong đó			Ghi chú
			Tổng KP NSTW phân bổ	Ngân sách tỉnh đối ứng	Ngân huyện đối ứng	
3.2.14	UBND xã Cam Thủy	90	90			
3.2.15	UBND xã Thanh Thủy	90	90			
3.2.16	UBND Xã Hồng Thủy	90	90			
3.2.17	UBND xã Xuân Thủy	90	90			
3.2.18	UBND xã Mai Thủy	90	90			
3.2.19	UBND xã Dương Thủy	90	90			
3.2.20	UBND xã Mỹ Thủy	90	90			
3.2.21	UBND xã Thái Thủy	90	90			
3.2.22	UBND xã Ngư Thủy Bắc	90	90			
3.2.23	UBND xã Ngư Thủy	90	90			
3.2.24	UBND xã Kim Thủy	90	90			
3.2.25	UBND xã Ngân Thủy	90	90			
3.2.26	UBND xã Lâm Thủy	90	90			
4	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo bền vững	780	780	-	-	
	<i>Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều</i>	<i>780</i>	<i>780</i>	-	-	
4.1	UBND thị trấn Kiến Giang	30	30			
4.2	UBND thị trấn Lệ Ninh	30	30			
4.3	UBND xã An Thủy	30	30			
4.4	UBND xã Phong Thủy	30	30			
4.5	UBND xã Lộc Thủy	30	30			
4.6	UBND xã Liên Thủy	30	30			
4.7	UBND xã Sơn Thủy	30	30			
4.8	UBND xã Hoa Thủy	30	30			
4.9	UBND xã Phú Thủy	30	30			
4.10	UBND xã Trường Thủy	30	30			

TT	Nội dung Dự án, Tiểu dự án/ đơn vị thực hiện	Tổng kinh phí thực hiện	Trong đó			Ghi chú
			Tổng KP NSTW phân bổ	Ngân sách tỉnh đối ứng	Ngân huyện đối ứng	
4.11	UBND xã Tân Thủy	30	30			
4.12	UBND xã Sen Thủy	30	30			
4.13	UBND xã Hưng Thủy	30	30			
4.14	UBND xã Cam Thủy	30	30			
4.15	UBND xã Thanh Thủy	30	30			
4.16	UBND Xã Hồng Thủy	30	30			
4.17	UBND xã Xuân Thủy	30	30			
4.18	UBND xã Mai Thủy	30	30			
4.19	UBND xã Dương Thủy	30	30			
4.20	UBND xã Mỹ Thủy	30	30			
4.21	UBND xã Thái Thủy	30	30			
4.22	UBND xã Ngự Thủy Bắc	30	30			
4.23	UBND xã Ngự Thủy	30	30			
4.24	UBND xã Kim Thủy	30	30			
4.25	UBND xã Ngân Thủy	30	30			
4.26	UBND xã Lâm Thủy	30	30			
5	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình	780	780	-	-	
5.1	Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	520	520	-	-	
5.1.1	UBND thị trấn Kiến Giang	20	20			
5.1.2	UBND thị trấn Lệ Ninh	20	20			
5.1.3	UBND xã An Thủy	20	20			
5.1.4	UBND xã Phong Thủy	20	20			
5.1.5	UBND xã Lộc Thủy	20	20			
5.1.6	UBND xã Liên Thủy	20	20			

TT	Nội dung Dự án, Tiểu dự án/ đơn vị thực hiện	Tổng kinh phí thực hiện	Trong đó			Ghi chú
			Tổng KP NSTW phân bổ	Ngân sách tỉnh đối ứng	Ngân huyện đối ứng	
5.1.7	UBND xã Sơn Thủy	20	20			
5.1.8	UBND xã Hoa Thủy	20	20			
5.1.9	UBND xã Phú Thủy	20	20			
5.1.10	UBND xã Trường Thủy	20	20			
5.1.11	UBND xã Tân Thủy	20	20			
5.1.12	UBND xã Sen Thủy	20	20			
5.1.13	UBND xã Hưng Thủy	20	20			
5.1.14	UBND xã Cam Thủy	20	20			
5.1.15	UBND xã Thanh Thủy	20	20			
5.1.16	UBND Xã Hồng Thủy	20	20			
5.1.17	UBND xã Xuân Thủy	20	20			
5.1.18	UBND xã Mai Thủy	20	20			
5.1.19	UBND xã Dương Thủy	20	20			
5.1.20	UBND xã Mỹ Thủy	20	20			
5.1.21	UBND xã Thái Thủy	20	20			
5.1.22	UBND xã Ngự Thủy Bắc	20	20			
5.1.23	UBND xã Ngự Thủy	20	20			
5.1.24	UBND xã Kim Thủy	20	20			
5.1.25	UBND xã Ngân Thủy	20	20			
5.1.26	UBND xã Lâm Thủy	20	20			
5.2	Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá	260	260	-	-	
5.2.1	UBND thị trấn Kiến Giang	10	10			
5.2.2	UBND thị trấn Lệ Ninh	10	10			
5.2.3	UBND xã An Thủy	10	10			
5.2.4	UBND xã Phong Thủy	10	10			

TT	Nội dung Dự án, Tiểu dự án/ đơn vị thực hiện	Tổng kinh phí thực hiện	Trong đó			Ghi chú
			Tổng KP NSTW phân bổ	Ngân sách tỉnh đối ứng	Ngân huyện đối ứng	
5.2.5	UBND xã Lộc Thủy	10	10			
5.2.6	UBND xã Liên Thủy	10	10			
5.2.7	UBND xã Sơn Thủy	10	10			
5.2.8	UBND xã Hoa Thủy	10	10			
5.2.9	UBND xã Phú Thủy	10	10			
5.2.10	UBND xã Trường Thủy	10	10			
5.2.11	UBND xã Tân Thủy	10	10			
5.2.12	UBND xã Sen Thủy	10	10			
5.2.13	UBND xã Hưng Thủy	10	10			
5.2.14	UBND xã Cam Thủy	10	10			
5.2.15	UBND xã Thanh Thủy	10	10			
5.2.16	UBND Xã Hồng Thủy	10	10			
5.2.17	UBND xã Xuân Thủy	10	10			
5.2.18	UBND xã Mai Thủy	10	10			
5.2.19	UBND xã Dương Thủy	10	10			
5.2.20	UBND xã Mỹ Thủy	10	10			
5.2.21	UBND xã Thái Thủy	10	10			
5.2.22	UBND xã Ngư Thủy Bắc	10	10			
5.2.23	UBND xã Ngư Thủy	10	10			
5.2.24	UBND xã Kim Thủy	10	10			
5.2.25	UBND xã Ngân Thủy	10	10			
5.2.26	UBND xã Lâm Thủy	10	10			

Phụ lục số 02

PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỐI ỨNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 5 năm 2025 của HĐND huyện Lệ Thủy)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung/Đơn vị	Tổng vốn sự nghiệp năm 2025	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng cộng	34.875	31.603	3.272	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	4.373	1.143	3.230	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề	3.230	0	3.230	
1.1	UBND xã Kim Thủy	1.680		1.680	
1.2	UBND xã Ngân Thủy	240		240	
1.3	UBND xã Lâm Thủy	1.310		1.310	
2	Hỗ trợ nước phân tán	1.143	1.143	0	
2.1	UBND xã Kim Thủy	588	588		
2.2	UBND xã Ngân Thủy	39	39		
2.3	UBND xã Lâm Thủy	516	516		
II	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	2.800	2.800	0	
	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</i>	2.800	2.800	0	
1	UBND xã Kim Thủy	1.200	1.200		
2	UBND xã Ngân Thủy	800	800		
3	UBND xã Lâm Thủy	800	800		
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	20.444	20.444	0	
	<i>Tiểu dự án 1. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	20.444	20.444	0	
1	UBND xã Kim Thủy	6.815	6.815		
2	UBND xã Ngân Thủy	6.815	6.815		
3	UBND xã Lâm Thủy	6.814	6.814		

TT	Nội dung/Đơn vị	Tổng vốn sự nghiệp năm 2025	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	1.800	1.800	0	
1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	1.800	1.800	0	
	<i>Mua sắm trang thiết bị cho các trường (06 trường)</i>	1.800	1.800	0	
1	Trường PTDT nội trú	300	300		
2	Trường PTDTBT TH Kim Thủy	300	300		
3	Trường PTDTBT TH&THCS Lâm Thủy	300	300		
4	Trường PTDTBT TH&THCS Ngân Thủy	300	300		
5	Trường PTDTBT TH&THCS số 2 Kim Thủy	300	300		
6	Trường PTDTBT TH&THCS số 1 Kim Thủy	300	300		
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	2.400	2.400	0	
1	UBND xã Kim Thủy	800	800		
2	UBND xã Ngân Thủy	800	800		
3	UBND xã Lâm Thủy	800	800		
VII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	1.500	1.500	0	
1	UBND xã Kim Thủy	500	500		
2	UBND xã Ngân Thủy	500	500		
3	UBND xã Lâm Thủy	500	500		
VIII	Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển kinh tế nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	450	408	42	
	<i>Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống</i>	450	408	42	
1	UBND xã Kim Thủy	150	108	42	
2	UBND xã Ngân Thủy	150	150		
3	UBND xã Lâm Thủy	150	150		

TT	Nội dung/Đơn vị	Tổng vốn sự nghiệp năm 2025	Trong đó		Ghi chú
			Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
IX	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	1.108	1.108	0	
I	<i>Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào</i>	808	808	0	
1.1	UBND xã Kim Thủy	368	368		
1.2	UBND xã Ngân Thủy	220	220		
1.3	UBND xã Lâm Thủy	220	220		
2	<i>Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện chương trình</i>	300	300	0	
2.1	UBND xã Kim Thủy	100	100		
2.2	UBND xã Ngân Thủy	100	100		
2.3	UBND xã Lâm Thủy	100	100		